TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2021/HS-PT
Ngày 31 tháng 5 năm 2021
"Phạm Quang T & đồng phạm
Lừa đảo CĐTS, môi giới và đưa hối lộ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công
Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh
Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 100/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Quang T và các bị cáo khác do các bị cáo kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 527/2020/HS-ST ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Quang T, sinh năm 1965 tại Thành phố Hà Nội; Nơi thường trú: 270/24 Hòa Hảo, Phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 1/6 Trương Văn Thành, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ công tác tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an Thành phố Hồ Chí Minh (đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân ngày 13/5/2020); Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Tiến Thuận và bà Nguyễn Thị Lộc; Có vợ (đã ly hôn) và 02 con (sinh cùng năm 1993); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án, bị khai trừ Đảng ngày 28/5/2020; Bị bắt tạm giam từ 22/6/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị Diệu T[1], sinh ngày 09/12/1970 tại Thừa Thiên Huế; Nơi thường trú: 179/60 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 198 Gò Xoài, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Phước Linh và bà Nguyễn Thị Quý; Có 02 con (sinh năm 1994 và 1995); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án sơ thẩm số 1847/HSST ngày 12/7/2000 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phạt 05 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", Bản án phúc thẩm số 4498/HSPT ngày 30/3/2005 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phạt 10 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma

túy"; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ 31/01/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Vũ Thanh T^2, sinh ngày 09/7/1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 15/47 đường Lô Tư, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: B12C/19R ấp 2B, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Mạnh Thái và bà Vũ Thị Hương; Có chồng (đã ly hôn) và 02 con (sinh năm 2006 và 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn L, sinh ngày 22/6/1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 15/47 đường Lô Tư, phường Bình Hương Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: B12C/19R ấp 2B, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Mạnh Thái và bà Vũ Thị Hương; Có vợ (đã ly hôn) và 02 con (sinh năm 2008 và 2014); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

+ Bào chữa cho bị cáo Phạm Quang T: Luật sư Nguyễn Trọng Nam – Giám đốc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Luật sư Nam Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

+ Bào chữa cho bị cáo Trần Thị Diệu T^1: Luật sư Phùng Văn Trang – Trưởng Văn phòng luật sư Pháp Quyền thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra còn có 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/11/2018, Nguyễn D (là con nuôi của Trần Thị Diệu T^1) điện thoại báo cho Trần Thị Diệu T^1 biết D có liên quan đến vụ trộm cắp tài sản, đang bị Công an quận Tân Phú truy tìm và nhờ T^1 tìm người giúp cho D không bị bắt. T^1 điện thoại cho bạn của em ruột là Phạm Quang T nhờ người giúp thì T đồng ý. Sáng ngày 16/11/2018, T điện thoại báo cho T^1 biết đã tìm được người giúp với giá 300.000.000 đồng, T^1 điện thoại bảo D đưa 320.000.000 đồng, D điện thoại bảo chị ruột là Nguyễn Vũ Thanh T^2 đưa cho T^1 320.000.000 đồng để lo cho D không bị bắt thì T^2 báo cho gia đình chuẩn bị tiền để đưa cho T^1.

Ngày 16/11/2018, Nguyễn Vũ Thanh T^1 cùng em ruột là Nguyễn L và em dâu là Nguyễn Thụy Thiên D^1 đến khách sạn Linh D^2 ở Khu phố 9, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân do T^1 làm chủ đưa cho T^1 280.000.000 đồng và hẹn sớm nhất sẽ đưa thêm 40.000.000 đồng. Trong khi T^1 nhận tiền từ T^2 thì D^1 dùng điện thoại di động ghi âm, ghi hình quá trình trao đổi và giao nhận tiền.

Ngày 19/11/2018, T^2, L, D^1 cùng đến giao thêm 40.000.000 đồng cho T^1 thì T^2 đưa lại số tiền 280.000.000 đồng mà T^1 đã nhận trước đó và gói tất cả hai khoản tiền vào tờ báo, bỏ vào túi nilon rồi đưa cho L giữ để chuẩn bị giao tiền cho Phạm Quang

T. Theo đề nghị của T^1, T^2 và D^1 ở lại, còn L, T^1 và Trần Thị Diệu L (là em gái của Trang) cùng đón xe Grab đến quán cà phê FC Thống Nhất, 138A Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10 để gặp Phạm Quang T. Đến nơi, T^1 điện thoại cho T thì một lúc sau T đến ngồi cùng bàn gọi cà phê uống. Tại đây, qua giới thiệu của T^1, L trực tiếp trao đổi nhờ T giúp đỡ cho em mình, đưa gói tiền cho T và ra về.

Sau đó Nguyễn D điện thoại báo vẫn bị công an truy bắt nên T^2 và L nghi ngờ bị T^1 lừa đảo nên ngày 21/11/2018, T^2 và L nộp đơn tố cáo T^1.

Tại Cơ quan điều tra, T, T^1, T^2, L đã khai nhận hành vi như trên và còn khai thêm như sau:

Nguyễn Thị Thanh T^2 và Nguyễn L khai: Trước khi giao tiền, T^2 và L không biết Trần Thị Diệu T^1. Riêng T^2 đã được Công an quận Tân Phú động viên kêu gọi Nguyễn D ra đầu thú. Vài ngày sau thì D điện thoại kêu T^2 giao 320.000.000 đồng cho T^1 để lo cho D không bị bắt thì T^2 chuẩn bị số tiền 280.000.000 đồng để trong túi xách rồi cùng L, D^1 đi xe gắn máy đến khách sạn Linh D^2 đưa tiền cho T^1. T^1 hứa nếu không lo được cho thì sẽ trả tiền lại. Do trước đó T^2 đã dặn D^1 nên D^1 đã sử dụng điện thoại di động ghi âm, ghi hình để làm chứng. T^2 giao từng xấp tiền cho T^1 kiểm đếm. Đến ngày 19/11/2018, T^2 điện thoại gọi L, D^1 cùng đến khách sạn Linh D^2 đưa tiếp cho T^1 40.000.000 đồng. T^1 đưa lại cho L số tiền 280.000.000 đồng để gói cùng 40.000.000 đồng vào tờ báo rồi L cầm tiền cùng với T^1, L đi ô tô Grab đến quán cà phê gặp T. Tại quán cà phê, T^1 giới thiệu L cho T, nhờ T giúp cho em của L không bị bắt thì T đồng ý. L giao gói tiền cho T^1 để T^1 giao cho T, còn L ra về. Sau đó D điện thoại nói vẫn bị Công an truy bắt nên T^1 và L tố giác sự việc. Cả T^1 và L đều nhận thức việc đưa tiền để lo cho D không bị bắt là sai, nhưng vì thương em, sợ em mình ở tù nên đã thực hiện, xin được khoan hồng.

Trần Thị Diệu T^1 khai: Ngày 14/11/2018, sau khi nhận điện thoại của D, T^1 điện thoại cho bạn của L là Phạm Quang T, cán bộ Công an Quận 10 nhờ giúp. Ban đầu T từ chối nhưng do T^1 năn nỉ nên T nói để T hỏi lại rồi báo sau, T^1 dặn T hỏi luôn tốn bao nhiêu tiền rồi báo cho T^1 biết luôn thì T nói *"được rồi"*. Ngày hôm sau, T điện thoại báo cho T^1 biết có người giúp giá 300.000.000 đồng thì T^1 điện cho D nói *"Số tiền cần phải chi là 300.000.000 đồng đến 320.000.000 đồng, nhưng con cứ đưa 320.000.000 đồng đi"* thì D đồng ý. Sau đó tại khách sạn của T^1, T^2 và L đã đưa cho T^1 vào ngày 17/11/2018 số tiền 280.000.000 đồng và ngày 19/11/2018 số tiền 40.000.000 đồng rồi T^1 đưa lại cho L gói cả hai khoản tiền vào tờ báo. Cùng ngày 19/11/2018, L, T và L đến quán cà phê thì L giao gói tiền cho T, T nhận tiền, không có kiểm đếm lại. T^1 không biết T có đưa tiền lại cho ai không. T^1 nhận thức việc mình làm trung gian để nhận 320.000.000 đồng từ chị em nhà của D và giao số tiền đó cho T để lo cho D không bị bắt là sai, xin được khoan hồng.

Phạm Quang T khai: T là bạn của L^1 nên T biết T^1. Ngày 15/11/2018, T nhận điện thoại của T^1 nhờ giúp cho con nuôi của T^1 không bị truy bắt trong vụ trộm tài sản. Ban đầu T nói chuyện này phức tạp, đừng dính vào nhưng do T^1 năn nỉ quá nên T điện thoại hỏi Đinh Duy H là cán bộ Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 (nay công tác tại Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) thì H đồng ý nên T điện thoại báo cho T^1 biết. Ngày 19/11/2018, sau khi nhận gói tiền thì T giao gói tiền lại cho H tại bên hông vườn hoa Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để nhờ H giúp. Để chứng minh cho việc có giao cho H gói tiền, T gọi điện thoại cho H trao đổi những nội dung liên quan đến số tiền này, ghi âm toàn bộ cuộc gọi và giao

nộp cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, T thay đổi lời khai nhưng đã thừa nhận việc nhận lời giúp con nuôi của T^1 không bị bắt, xin được khoan hồng; đồng thời gửi đơn xin Cơ quan điều tra thông qua gia đình tự nguyện nộp 320.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Ngày 19/8/2020, gia đình của T đã nộp 50.000.000 đồng vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn D khai: Biết mình bị công an truy bắt, D điện thoại cho T^1 nhờ giúp đỡ. T^1 cho biết có người giúp và số tiền 320.000.000 đồng thì D thông tin cho T^2 và L đưa tiền cho T^1. Sau đó, D bị bắt, bị khởi tố hành vi "Trộm cắp tài sản".

Đinh Duy H khai: Khi làm Kiểm sát viên tại Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 thì H có quen biết T là cán bộ Công an Quận 10. Từ năm 2013 đến nay, H được điều động đến công tác tại Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi biết T đến nay, H chưa bao giờ nhận tiền gì của T để giúp đỡ cho bất kỳ ai.

Trần Thị Diệu L^1 khai: Sáng ngày 19/10/2018, T^1 gọi điện thoại rủ đi uống cà phê. L^1 đưa con gái 02 tuổi đi cùng. L^1 thấy có người đàn ông lạ mặt cùng ngồi với T^1 trong xe ô tô Grab nhưng L^1 không hỏi tên. Khi đến quán cà phê thì có T đến ngồi uống nước chung. Do bận chăm sóc con nên L^1 không quan tâm cuộc nói chuyện giữa những người ngồi chung bàn nên L^1 không biết T^1 nhờ T, cũng không thấy T nhận tiền. T ngồi khoảng 15 phút thì ra về.

Nguyễn Thụy Thiên D^1 khai: Ngày 16/11/2018, nhận điện thoại của T^1 nói sắp đi giao tiền lớn cho người ta để lo cho D và nhờ D^1 cầm theo điện thoại di động quay để làm bằng chứng vì điện thoại của D^1 rõ thì D^1 đồng ý nhưng không biết giao tiền gì và giao cho ai. D^1 chạy xe gắn máy đến khách sạn Linh D^2 dùng điện thoại quay lại việc giao nhận tiền giữa T^2, L với T^1. Quá trình quay thì D^1 mới biết mục đích đưa tiền là để lo cho D không bị bắt.

Kết luận giám định số 1253/C09B ngày 29/3/2019 của Phân Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Các dữ liệu ghi âm, video trong mẫu giám định được ghi liên tục. Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung; tiếng nói của người phụ nữ trên các mẫu cần giám định và tiếng nói của Trần Thị Diệu T^1 trong mẫu so sánh của cùng một người; tiếng nói của người đàn ông (ghi T trong bản dịch) trên mẫu giám định và tiếng nói của Phạm Quang T trong mẫu so sánh của cùng một người;

Kết luận giám định số 1003/C09B ngày 12/3/2019 của Phân Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Mẫu tiếng nói so sánh của Đinh Duy H chất lượng kém (tiếng nói nhỏ, nội dung lời nói không đúng trọng tâm với mẫu cần giám định), không đủ điều kiện để tiến hành giám định.

Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 50.000.000 đồng (do gia đình T chuyển khoản) và 05 điện thoại di động.

Tại Bản cáo trạng số 449/CT-VKS-P3 ngày 02/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Phạm Quang T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự; Truy tố Trần Thị Diệu T^1 về tội *"Môi giới hối lộ"* theo điểm g khoản 2 Điều 365 Bộ luật hình sự; Truy tố Nguyễn Vũ Thanh T^2 và Nguyễn L về tội *"Đưa hối lộ"* theo điểm e khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự.

Đối với Đinh Duy H: Nội dung đoạn ghi âm T không nói rõ về nguồn gốc số tiền, mục đích và thực tế số tiền đã đưa cho H là bao nhiêu trong khi ngoài T không có ai biết hoặc từng liên hệ với H; Kết luận giám định của Phân viện khoa học hình

sự Bộ công an về mẫu tiếng nói của Đinh Duy H do Tiến cung cấp chất lượng kém, không đủ điều kiện để giám định, cũng không có chứng cứ khác nên không có căn cứ để xem xét xử lý H.

Đối với Nguyễn D thông tin cho anh chị của mình đưa tiền giúp cho D không bị bắt có dấu hiệu của tội "Đưa hối lộ", nhưng do D không chứng kiến việc giao nhận tiền vì đã bị bắt, bị phạt 05 năm tù về chính tội mà D mong muốn được giúp đỡ (tội "Trộm cắp tài sản"), nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở xử lý D.

Đối với Nguyễn Thụy Thiên D^1 ghi hình việc giao tiền, nhưng do T^2, L, D đều khai không nói rõ mục đích cụ thể cho D^1 biết trước khi D ghi hình, bản thân D^1 cũng không biết việc hối lộ nên không có căn cứ xử lý D^1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 527/2020/HS-ST ngày 29/12/2020 và Thông báo số 56/2021/TB-TA ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Quang T 08 (tám) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày 22/6/2020.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Diệu T^1 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Môi giới hối lộ"*. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ Thanh T^2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Đưa hối lộ"*. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Đưa hối lộ"*. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn buộc bị cáo T nộp tiền thu lợi bất chính; quyết định về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2021 bị cáo Phạm Quang T kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 30/12/2020, bị cáo Trần Thị Diệu T^1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm vì không đúng bản chất của vụ án và hành vi khách quan mà bị cáo đã thực hiện trên thực tế.

Cùng ngày 30/12/2020, bị cáo Nguyễn Vũ Thanh T^2 và bị cáo Nguyễn L kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Vũ Thanh T^2 khai nhận có đưa tiền cho bị cáo Trần Thị Diệu T^2 nhờ người giúp cho em ruột là Nguyễn D không bị bắt. Sau khi đưa tiền thì D vẫn bị bắt nên nghĩ rằng bị T^1 lừa đảo nên vào ngày 21/11/2018 T^2 tố cáo T^1 đến Công an quận Tân Phú. Nay xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì còn phải nuôi 02 con còn nhỏ.

Bị cáo Nguyễn L khai nhận có cầm 320.000.000 đồng đi theo bị cáo Trần Thị Diệu T^1 đến gặp T để lo cho em ruột là Nguyễn D không bị bắt. Tại quán cà phê, bị cáo để bọc tiền trên bàn và đẩy qua chỗ T^1, thì T^1 đẩy qua chỗ T ngồi. Sau đó L^1 cầm bọc tiền đi ra trước, lát sau thì T đi ra. Khi D bị bắt, nghĩ rằng bị T^1 lừa đảo nên vào

ngày 21/11/2018, bị cáo tố cáo T[1] đến Công an quận Tân Phú. Nay xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì còn nuôi con nhỏ, vì thương em nên mới phạm tội.

Bị cáo Trần Thị Diệu T[1] khai nhận Nguyễn D cũng là con nuôi của T[1] nên khi nghe T[2], L nhờ thì T[1] liên hệ T xem có giúp được không thì T nói nhờ người khác giúp. Khi T[2] và L lo tiền xong thì T[1] dẫn L đến giao tiền cho T. T[1] hoàn toàn không có hưởng lợi lộc gì nên xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T[1] đề nghị xem xét do bị cáo T[1] nhận thức kém, không biết hành vi của mình là có tội, bị cáo hoàn toàn không có hưởng lợi gì, hoàn toàn không có động cơ vụ lợi, nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Quang T đề nghị xem xét bị cáo không có lừa đảo ai hết, bị cáo không có nhận tiền của ai hết mà xử bị cáo tội lừa đảo chiếm đạt tài sản là không đúng tội. Bị cáo đề nghị xét xử cho đúng người, đúng tội vì hồ sơ còn nhiều uẩn khúc. Cơ quan điều tra không có cho đối chất giữa bị cáo với Đinh Duy H.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị xem xét bị cáo T có liên lạc với bị cáo T[1] và bị cáo T cũng có liên lạc với Đinh Duy H. Bị cáo T không có nhận tiền, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo L nhiều lần khẳng định L[1] là người cầm bọc tiền, T không có cầm tiền của L. Việc xác định ai là người nhận tiền (T hay L[1]) chưa được làm rõ, cần phải thu giữ dữ liệu ghi âm, ghi hình tại quán cà phê để làm rõ. Nếu T không nhận tiền thì T không thể phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mà T có thể phạm tội đưa hối lộ. Đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho rõ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến việc thực hiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng được đảm bảo, các đơn kháng cáo đều hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm; Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Phạm Quang T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Trần Thị Diệu T[1] phạm tội *"Môi giới hối lộ"* quy định tại điểm g khoản 2 Điều 365 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Vũ Thanh T[2] và bị cáo Nguyễn L phạm tội *"Đưa hối lộ"* quy định tại điểm e khoản 2 Điều 364 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đã xử phạt mức hình phạt tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Quang T, Trần Thị Diệu T[1], Nguyễn Vũ Thanh T[2] và Nguyễn L đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Biên bản bắt người (bút lục 46) thể hiện Phạm Quang T bị bắt ngày 22/6/2020, nên việc T khai bị bắt ngày 20/6/2020 là không có cơ sở.

[2] Tại Bản tự khai ngày 22/11/2018 (bút lục 166) bị cáo Phạm Quang T tự viết lời khai:*"Khoảng ngày 19/11/2018 tôi đi làm cho đến 10 giờ 30 thì chị T[1] dùng điện thoại di động gọi nói ghé uống cafe. Khi tôi tới quán cafe góc Nguyễn Kim+Đào Duy Từ Q10 thì gặp 01 thanh niên ngồi uống cafe cùng chị T[1]. Tôi ngồi cùng 2 người uống cafe gần hết ly tính tiền đi về thì người thanh niên đưa bịch ly nông cho chị T[1] bên trong không biết là gì. Tôi có hỏi thì người thanh niên trả lời đó là tiền để nhờ anh H giúp, khoảng 3 trăm triệu tôi cầm và không có đếm, cũng không biết số lượng*

tiền là bao nhiêu. Tôi chạy xe đến bên hông Viện kiểm sát thành phố anh anh H và đưa bịch ly nông có đựng tiền trên, không xác định được số lượng vì không đếm xong tôi đi về". Trong các biên bản ghi lời khai từ ngày 22/11/2018 cho đến các biên bản hỏi cung bị can ngày 25/8/2020 thì bị cáo T khai nhận nội dung tương tự như trên.

Theo Kết luận giám định số 1003/C09B ngày 12/3/2020 của Phân Viện Khoa học hình sự Bộ Công an thì việc không đủ điều kiện để tiến hành giám định là do mẫu tiếng nói so sánh của Đinh Duy H chất lượng kém (không phải là do chất lượng ghi âm của mẫu cần giám định), nhưng Cơ quan điều tra không tiến hành thu lại mẫu tiếng nói của H để trưng cầu giám định lại; đồng thời Cáo trạng số 449/CT-VKS-P3 ngày 02/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh lại xác định: *"Kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự Bộ công an về mẫu tiếng nói của Đinh Duy H do T cung cấp chất lượng kém, không đủ điều kiện để giám định"* là không đúng với Kết luận giám định đã nêu trên.

[3] Quá trình điều tra có sự mâu thuẫn giữa lời khai của bị cáo Phạm Quang T với Đinh Duy H, nhưng Cơ quan điều tra chưa cho đối chất giữa hai người theo quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng hình sự;

[4] Cơ quan điều tra thu giữ trong điện thoại của Phạm Quang T, số thuê bao 0903791312 vào lúc 18 giờ 41 phút ngày 16/11/2018 có nhắn tin cho số thuê bao 0903610202 có nội dung ghi tên 4 người, trong đó có tên Nguyễn D (bút lục số 154). Tại Biên bản ngày 25/4/2019 (bút lục số 386) Đinh Duy H trình bày số thuê bao 0903610202 là của H sử dụng khoảng 10 năm nay, nhưng H không nhận được tin nhắn trên nên không biết nội dung và vì sao T chuyển tin nhắn trên. Tuy nhiên, tại số thứ tự từ 4793 đến 4798 của Chi tiết dữ liệu online (bút lục 562) thể hiện từ lúc 18 giờ 41 phút 21 giây đến 18 giờ 41 phút 28 giây cùng ngày 16/11/2018 (trùng với thời gian thu giữ tin nhắn trong điện thoại của T) thì số thuê bao 0903610202 có nhận 06 tin nhắn từ số thuê bao 0903791312, nhưng Cơ quan điều tra chưa yêu cầu nhà mạng cung cấp nội dung các tin nhắn trên nhằm để làm rõ lời khai của H.

[5] Việc làm rõ hành vi của Đinh Duy H trong vụ án có ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phạm Quang T và các bị cáo khác, nhưng việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ như đã nhận định trên mà cấp phúc thẩm không khắc phục được và có dấu hiệu cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, nên chấp nhận một phần lời bào chữa của luật sư, cần phải hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[6] Các bị cáo đều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm a điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy Bản án sơ thẩm số 527/2020/HS-ST ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh điều tra lại.

2. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Quang T cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án.

3. Các bị cáo Phạm Quang T, Trần Thị Diệu T[1], Nguyễn Vũ Thanh T[2] và Nguyễn L đều không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC
- Viện Trưởng VKSNDTC
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
(Kèm hồ sơ vụ án)
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM, TP. Hà Nội Thừa Thiên – Huế;
- Cục THADS TP.HCM;
- Trại tạm giam Công an TP.HCM (Trại tạm giam Công an TP.HCM tống đạt cho bị cáo;
- Bị cáo tại ngoại;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công